**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 62**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

 Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 273, hàng thứ năm. Xem nửa phần bên dưới, xem từ chỗ: “**Cổ đức bảo thánh**, **phàm trong Tam Thừa**”; “**Cổ đức bảo thánh**, **phàm trong Tam Thừa thấy báo thân**, **hóa thâncủa Phật**, **tuổi thọ dài ngắn**; **thành Phật lâu**, **mau đều chẳng giống nhau**; **nay chỉ lấy khoảng thời gian Phật cùng đệ tử**; **thầy trò cơ cảm tương ngộ**; **nói**, **nghe xong xuôi thì gọi là một thời**”. Đây chính là vì sao trong kinh tạng, thời gian Phật thuyết kinh không hề nói rõ chính xác là vào ngày tháng năm nào. Chỉ nói là một thời, một thời rất có đạo lý; Niệm lão ngay chỗ này, nói với chúng ta.

Đại đức xưa có nói: “**Phàm thánh trong Tam Thừa**”, Tam Thừa chính là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; trong đó có Phàm, có Thánh. Mỗi người sẽ thấy thân tướng của Phật hoặc là báo thân, hoặc là hóa thân. Tuổi thọ dài ngắn của Phật, hoặc thành Phật từ kiếp xa xưa, hoặc là thành Phật ở hiện tại, mỗi người đều chẳng giống nhau. Đó là do nguyên nhân gì? Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, là do vọng niệm sai khác của chúng sanh cảm ứng ra như vậy. Phật, phải ghi nhớ, tuyệt đối không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là phàm phu. Phật không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Bồ Tát có khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt chấp trước. A La Hán có khởi tâm động niệm, có phân biệt, không có chấp trước. Chỉ có chúng sanh nơi sáu nẻo, vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có đủ. Những thứ này toàn là giả, không phải thật.

Vì vậy, Phật hiện thân là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chẳng có thứ nào là không vì giáo hóa phương tiện. Cho nên tất cả những phương tiện dạy học mà Ngài sử dụng, nhất định đều là ứng theo căn tánh của chúng sanh. Phật Pháp gọi là “Khế cơ”. Căn tánh chúng sanh hiện tại khác nhau, nên cơ cảm cũng khác. Bởi thế Phật thị hiện cũng chẳng đồng, cần dùng thân gì để độ liền hiện thân đó, không có một thân nhất định nào cả. Trong phẩm Phổ Môn, kinh Pháp Hoa có nói: “**Quan Thế Âm Bồ Tát có 32 ứng thân**, **cần dùng thân Phật để độ liền hiện thân Phật**; **cần dùng thân Bồ Tát để độ liền hiện thân Bồ Tát**”.

Tôi tin rằng, trong số các bậc Cổ thánh Tiên hiền của Trung Quốc, khẳng định có Phật, Bồ Tát ứng hóa đến. Tam hoàng Ngũ đế, Lão Tử, Khổng Tử, có phải là Phật, Bồ Táthiện thân ở khu vực Trung Hoa này không? Nhân dân ở khu vực Trung Quốc, từ xưa đến nay tôn trọng Thánh nhân, xem trọng Thánh hiền; Phật, Bồ Tát bèn đến Trung Quốc giáo hóa người Trung Quốc, không thể dùng thân Phật, Bồ Tát được. Người Trung Quốc sẽ không quen, người Trung Quốc đối với Thánh hiền quân tử vô cùng quen thuộc. Vì thế, Phật, Bồ Tát đến Trung Quốc phải hiện thân thành bậc Thánh hiền để giáo hóa người Trung Quốc. Người Trung Quốc vô cùng xem trọng Hoàng đế, thì các ngài có thể hóa thành Hoàng đế, Tam hoàng Ngũ đế. Đều là các bậc Đại thánh, đều do Phật, Bồ Tát thị hiện. Cách nghĩ này của tôi, đã từng nói qua với lão sư Lý.

 Tôi thỉnh giáo với thầy:

- “*Cách nghĩ này*, *cách nói này có được không?*”.

Thầy cười nói với tôi:

- “*Trên lý thì nói được thông*, *từ trên lý mà nói không vấn đề*. *Về sự thì không có căn cứ*, *đây là sự thật*, *nhưng trên sự mà nói lại không có chứng cứ*”.

Bản thân các ngài lại không tiết lộ thân phận, các ngài đến ứng hóa tại thế gian rất nhiều, nhưng phàm phu chúng ta không biết. Các ngài không để lộ thân phận, bạn không cách gì biết được. Rõ ràng là Thánh hiền đến ứng hóa, vậy mà đều coi như một người bình thường, đến tận bây giờ cũng như vậy. Hải Hiền lão Hòa thượng, nếu chúng ta không tỉ mỉ quan sát. Những pháp vị trong những biểu pháp từng li từng tí của Ngài, mới phát hiện ra Ngài là người tái lai. Lúc Ngài còn sống, mọi người chẳng phải đều xem Ngài là một người rất bình thường đó sao? Không ai tôn trọng Ngài, không ai phát tâm học tập với Ngài.

Phật, Bồ Tát thị hiện tại Ấn Độ, do người Ấn Độ tôn trọng Phật, Bồ Tát. Tôn trọng Phật Đà, Phật Đà là gì? Phần “Chủ thành tựu” ở phần sau sẽ học đến. Người Ấn Độ, vì thế ở khu vực Ấn Độ, các ngài thị hiện dạy người Ấn Độ, liền dùng thân phận Phật, Bồ Tát, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Cái này người Ấn Độ hoan hỷ, Phật là ứng cơ thuyết Pháp. Phật tuyệt đối không chủ động. Tôi muốn hiện thân gì, không có chuyện đó! Nếu như chủ động, thế thì các ngài biến thành phàm phu rồi, vì sao? Vì các ngài có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước. Vậy thì có khác gì với chúng ta đâu? Tùy duyên mà thị hiện thân tướng như chúng ta vậy. Lời nói cũng giống, nhưng trí huệ, thần thông và đạo lực thì khác. Cách thức và phương pháp dạy học cũng không giống, giáo dục của Phật Pháp là hoạt Bát linh động.

Trong kinh có câu hình dung rất hay, gọi là “**Thiện xảo phương tiện**”. Thật sự là thiện xảo phương tiện đến tột bậc, điều này chúng ta không thể không bội phục. Thiện xảo phương tiện là áp dụng trí huệ, sử dụng trên mặt sự; điều này chính là điều mà người xưa nói đến. “***Thánh****,* ***phàm trong Tam Thừa thấy****,* ***báo thân****,* ***hóa thân của Phật****,* ***tuổi thọ dài ngắn****,* ***thành Phật lâu****,* ***mau***”, mỗi người đều không giống nhau. Kỳ thực, vô vàn Phật, Bồ Tát đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa rồi. Lần này thị hiện thành thân phận gì, thị hiện thành người có tuổi tác thế nào, đều là do chúng sanh nơi đó cảm ứng được, gọi là “***Cảm ứng đạo giao***”. Sau đó mới biết, Phật thị hiện là bình đẳng thị hiện, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Tuyệt diệu vô cùng! Bồ Tát, Thanh Văn đều có thể thị hiện.

Hiện giờ, bộ chú giải của cụ Hoàng Niệm, căn cứ vào cái gì? Chỉ lấy Phật cùng đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật năm đó còn tại thế. Cùng với chúng đệ tử của Ngài, thầy trò “**Cơ cảm tương ngộ**”; tại thời điểm đó, tại nơi đó gặp nhau. Lão sư gặp được số học trò đó, học trò lại gặp được những lão sư đó, trong khoảng thời gian đó, hoàn thành một buổi trò chuyện. Lão sư thuyết Pháp cho học trò, sau khi nói xong, đây được gọi là “Một thời”. Vì vậy, không có ghi chép ngày tháng năm cụ thể. Bởi vì ngày tháng năm, Trung Quốc với nước ngoài khác nhau. Mà Ấn Độ với Trung Quốc cũng không tương đồng, huống hồ hiện giờ lại cách biệt đến hai ngàn năm. Trong hai ngàn năm này, thay đổi rất lớn, viết ra cũng chỉ là vô ích; vẫn là “Một thời” thì chính xác hơn. Chúng ta buông bỏ khái niệm về thời không, sẽ dễ dàng khế nhập vào thật tướng, dễ dàng khế nhập vào tự tánh. Thế thì hoàn toàn tương ứng với giáo huấn của đức Phật. Trong pháp Đại Thừa, phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước, mới có thể trở về với nhất chân, trở về với tự tánh.

 “**Hơn nữa**, **kinh Phật Địa Luận dạy**, **nói nghe xong xuôi gọi chung là một thời**”, đây được gọi là viên mãn. “**Bởi vậy**, **trong kinh chẳng nói là năm đó**, **tháng đó**; **chỉ căn cứ lúc thầy**, **trò căn cơ tương ứng hòa hợp**; **Nói**, **nghe hoàn tất thì gọi là một thời**”, hay! Lần này, hiện thời chúng ta ở đây, đem cuộc nói chuyện này gọi là buổi luận đàm. Thời gian luận đàm không dài, ngắn thì một ngày, dài thì ba ngày, năm ngày; dài hơn nữa thì kéo dài khoảng ba tuần. Thế thì ba tuần này được gọi là “Một thời”, tức là “***Trong kinh chẳng nói là năm đó, tháng đó***”, nhưng chỉ căn cứ vào Phật cùng đệ tử, căn cơ tương ứng. Nói nghe hoàn tất thì gọi là “Một thời”. Hơn nữa, trong kinh chẳng nêu năm tháng, vì lịch pháp mỗi nơi chẳng giống. Thêm nữa, cách phân chia thời gian trên thế giới không đồng.

Phía sau có đưa ra một ví dụ, chúng ta hiện đang nói đến khác biệt về thời gian. Mỗi nơi đều có sự khác biệt về thời gian, như “**Một ngày đêm trên trời Tứ thiên**, **bằng với năm mươi năm dưới Trần**”. Vả lại, khoa học hiện đại đã chứng minh rằng, thời gian mặt trời đi trọn một vòng quanh trung tâm hệ ngân hà, tức là một năm thái dương, tương đương với thời gian hai vạn vạn năm trên địa cầu. Hiện nay địa cầu của chúng ta, quay một vòng quanh mặt trời gọi là một năm; mặt trời quay một vòng quanh hệ ngân hà, phải mất hai vạn vạn năm, tức là hai trăm triệu năm. Tốc độ chuyển động của vật thể càng gần với vận tốc ánh sáng, thì thời gian cũng tùy theo vận tốc chuyển động của vật thể mà biến đổi. Có lúc kéo dài ra, có lúc nhanh hơn, không nhất định, chẳng có số lượng nhất định. Vì thế, trong kinh chỉ nói “Một thời”, là hết sức thực tế vậy.

Cách dùng này hết sức xảo diệu, dùng rất hay, chữ “Một thời” này dùng rất hay, vì sao? Chúng ta có cơ duyên tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, giống như đại sư Trí Giả, người vào đời Đường. Tụng kinh Pháp Hoa tụng đến “Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự”, đại sư liền nhập định. Trong định Ngài đến núi Linh Thứu, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa. Hay nói cách khác, Ngài ở trong định trở về quá khứ. Khi Phật Đà còn tại thế, Ngài còn nghe hết một hồi. Sau khi xuất định nói với mọi người, Thích Ca Mâu Ni Phật ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, hiện nay vẫn còn đang giảng, hội đó vẫn chưa tan. Nếu như nhất định nói vào ngày nào, tháng nào, năm nào.

 Vậy chẳng phải đã qua rồi sao? Đó là gì? Là cơ cảm tương ưng. Thời gian đã cách nhau một ngàn năm, vậy mà vẫn có thể nhập vào pháp hội của Phật Thích Ca vào một ngàn năm trước. Hội đó vẫn còn, chưa tan. Nói như vậy, chẳng luận là quá khứ, chẳng luận là tương lai, chỉ cần có duyên, duyên hội thì gọi là “Một thời”. Nhân duyên tụ hội cùng nhau, cái này tốt! Chúng ta đều có cơ hội tham gia pháp hội của chư Phật, Bồ Tát, vì vậy chứng tỏ nói “Một thời” là hết sức thực tế vậy.

Đoạn sau, đoạn thứ tư “**Chủ thành tựu**”, *Chủ* tức là Chủ tịch của Pháp hội đó, Chủ tịch của hội đó là ai? Là đức Phật, cũng tức là người lên đài làm báo cáo. Người đang diễn giảng, người đó là Phật. Chúng ta xem chú giải: “**Phật là chủ thành tựu, Phật là tông chủ của hết thảy chúng sanh**”, tông có ý nghĩa gì? Là chủ yếu. Ngài là người thuyết Pháp, là người quan trọng nhất; là người được đại chúng tôn sùng nhất “Nên gọi là chủ”, là chủ của buổi giảng đó. “**Hơn nữa**, **trong sáu thành tựu**, **chủ thành tựu đóng vai trò trọng yếu nhất**”, sáu loại thành tựu vì sao, thảy đều là vì chủ vậy? Vì nếu không có Phật, sáu loại này không thể thành tựu được. Vì vậy, trong sáu loại thành tựu, thành tựu của thành tựu chính là chủ, chủ thành tựu.

Phía sau có giải thích cho chúng ta từ “Phật”: “**Phật, tiếng Phạn là Phật Đà, nay chỉ nói Phật là nói gọn**”. Phật Pháp năm đó truyền vào Trung Quốc, vì để phiên dịch kinh Phật nên đã tạo ra không ít từ mới. Bởi vì văn tự Trung Quốc không đủ dùng, từ “Phật” này chính là từ mới được tạo ra, không có bộ nhân đứng bên cạnh chữ “Phất” là chữ cổ của Trung Quốc. Các vị vào thời xưa, các vị sẽ thấy được, trong Triện Tự Giáp Cốt Văn có chữ “Phất” này. Có chữ này, chữ đó không có bộ nhân đứng bên cạnh. Phật Đà Da, chữ “Phật” này và chữ “Phất” không có bộ “Nhân”. Đứng bên cạnh, có âm đọc giống nhau, nhưng Phật là người nên chữ “Phất” được thêm bộ “Nhân” bên cạnh. Chữ này là chữ chuyên dùng trong lúc dịch kinh, chuyên môn dành cho Phật, dịch chữ Phật này. Phật Đà Da là âm đuôi, người Trung Quốc thích đơn giản chỉ lấy một âm chủ là đủ rồi, âm đuôi được tỉnh lược đi. Chỉ trong lúc giải thích mới đề cập đến mà thôi, bình thường đều không dùng chữ “Phật Đà Da”, mà chỉ dùng một chữ “Phật”. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, nên tùy thuận theo tập quán của người Trung Quốc, người Trung Quốc liền hoan hỷ tiếp nhận, liền muốn thân cận bạn. Người Trung Quốc kính trọng tổ tông, với tu hiếu đạo.

Thế thì Phật giáo của người Trung Quốc, bạn xem, câu đầu tiên trong Tịnh nghiệp Tam phước “***Hiếu dưỡng phụ mẫu***”, người Trung Quốc xem thấy câu này đều hoan hỷ. Câu thứ hai “***Phụng sự sư trưởng***”, cũng phù hợp với tư tưởng của người Trung Quốc, người Trung Quốc xem trọng nhất chính là “***Hiếu thân tôn sư***”. Vì thế, khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, không gặp bất kỳ chướng ngại nào. Ở Trung Quốc từ phía triều đình, vua cho đến dân, ai nấy đều vui mừng, vì sao? Vì nó nói về “Hiếu thân”, nói đến “Tôn sư”, hoàn toàn tương đồng với giáo huấn của Cổ thánh Tiên hiền Trung Quốc. Hơn nữa, Phật giáo thật sự đặt nền móng từ những điều này, không giống với những tôn giáo khác.

Tiếp tục dịch nghĩa của nó, “Phật Đà” mang ý nghĩa gì vậy? “Phật Đà” dịch sang tiếng Hán, đem nó dịch thành ý nghĩa Trung Hoa, nó có nghĩa là “Giác giả”. Giác giả, giả chỉ cho người, là người giác ngộ. Họ không phải thần, mà là một người giác ngộ. Chữ “Giác” này có ba ý nghĩa: Một là “Tự giác”, hai là “Giác tha”. Tự mình giác ngộ rồi, phải đi giúp cho kẻ khác giác ngộ. Ba là “Giác hạnh viên mãn”, bản thân giác ngộ, hành trì đã đạt đến viên mãn, cũng tức là giác ngộ một cách viên mãn. Người này, Ấn Độ gọi là “Phật Đà”.

Phần sau, đây là bình thường kinh điển giải thích: “**Tự giác là khác với phàm phu bất giác**”. Phàm phu mê hoặc, không giác, còn Phật là người đã tự giác ngộ rồi, không như phàm phu. Giác tha thì sao? “**Giác tha là khác với Nhị Thừa**”, người Nhị Thừa chỉ “Tự giác”, không muốn đi “Giác tha”. “Giác tha” là đi dạy cho người khác, giúp cho người khác cũng giác ngộ. Người Nhị Thừa vẫn chưa tự động tự phát; người Nhị Thừa nhìn thấy chúng sanh có duyên, ai mà có duyên với họ, nếu họ thấy vui, thấy hoan hỷ, họ sẽ dạy cho người đó. Nếu nhìn thấy không vui, không hoan hỷ, họ sẽ không dạy; không chủ động đi giáo hóa chúng sanh. Không như Bồ Tát, Bồ Tát khi đã tự giác rồi, bất luận là người nào, bạn không tìm các ngài, các ngài sẽ tìm bạn. Các ngài sẽ giúp bạn, hỗ trợ bạn. Nếu bạn chịu phối hợp, chịu nghe lời, chịu thật làm, các ngài sẽ thật sự giúp bạn giác ngộ. Nếu bạn không muốn tiếp nhận, họ cũng sẽ trồng thiện căn cho bạn. Kết duyên cùng Phật, đời này của chúng ta có được thân người, gặp được Phật Pháp. Gặp được, lại có thể hoan hỷ tiếp nhận, đó là do cái duyên trong a lại da đã trồng trong kiếp quá khứ. Nếu như không có cái duyên trong đời quá khứ đó, làm sao có thể sanh khởi cái tâm thật tin, cái tâm yêu thích được? Cái này không cách gì dấy lên được. Thử nhìn xem chúng ta hiện giờ, trong số người học Phật, người niệm Phật, có được mấy người là thật tin chứ!

 Vì sao vẫn là giải đãi phóng túng? Thậm chí là “Nói một đằng làm một nẻo”, đó là vì sao? Bởi do thiện căn của kẻ đó chưa đủ dày. Không có thiện căn thì không gặp được; có thiện căn, nhưng thiện căn không sâu dày, thiện căn chưa đến mức, nên đâm ra “Nói một đằng làm một nẻo”. Cũng theo người ta học, nhưng không chịu thật làm, thậm chí còn có lòng hoài nghi đối với Phật, vậy phải làm sao? Đời này gặp được Phật, lại học được một chút. Mỗi lần có được thân người, lại đem cái duyên ấy bồi thêm mấy phần, bồi đến lúc nào vậy? Đến khi con số ấy đạt đủ mức, vừa gặp bạn liền có thể thật tin.

Gần đây, chúng tôi có nghe được câu chuyện vãng sanh của cháu gái 13 tuổi, Đồng Đồng. Từ lúc cháu nghe được Phật Pháp cho đến lúc vãng sanh là 60 ngày. Vì sao cháu có thể thật tin, thật phát nguyện, thật niệm Phật, đức Phật thật sự đến tiếp dẫn cháu vãng sanh vậy? Đó là do chủng tử Phật trong a lại da của cháu, đã đạt đủ lượng rồi. Chúng ta so với cô bé đó, có lẽ còn chưa đủ, cô bé thì đủ rồi. Cho nên vừa mới nghe là đã tin liền. Thuở đầu, khi tôi còn ở Mỹ, gặp được một trường hợp còn lợi hại hơn cô bé. Cô bé thì 60 ngày, khi tôi đang ở Maryland gặp được Chu Quảng Đại, ông chỉ có ba ngày. Ba ngày trước khi vãng sanh, ông mới gặp được Phật Pháp.

Điều khó được ở đây là gì? Chính là vừa nghe liền tin ngay. Nói với ông, nơi tây phương có Thế Giới Cực Lạc, đó là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Thế Giới Cực Lạc tốt đẹp thế nào, ông vừa nghe liền tin tưởng. Có A Di Đà Phật, A Di Đà Phật từ bi biết bao. Đến Thế Giới Cực Lạc, tu hành sẽ dễ dàng thuận lợi hơn. Ông tin ngay, bảo với người nhà ông. Vì cả nhà ông không có tín ngưỡng tôn giáo, ông yêu cầu vợ và gia quyến người thân, tất cả cùng niệm A Di Đà Phật tiễn ông vãng sanh. Người nhà làm theo, lúc đó Hội Phật giáo của chúng tôi ở Washington vừa thành lập được một năm. Tôi đang làm chủ tịch ở đó, chúng tôi cử ba nhóm, cứ một nhóm là bốn đồng tu. Ba nhóm luân phiên nhau, ngày đêm không nghỉ. Niệm Phật ba ngày thì ông vãng sanh, lúc hỏa thiêu còn lưu lại xá lợi. Chuyện này không hề giả, chính mắt chúng tôi nhìn thấy, chỉ ba ngày. Vì sao ông có thể làm được, còn người khác không được vậy? Đó là nhờ cái duyên kết được với Phật trong đời quá khứ của ông. Duyên học Phật, chủng tử trong a lại da có năng lượng, nguồn năng lượng đó hội đủ rồi. Trừ phi không gặp được, bằng không vừa gặp là tin liền. Ông bị ung thư, rất đau đớn; nhưng vừa tin, vừa chịu niệm Phật, ông liền hết đau. Hiệu quả lập tức xuất hiện, không cần dùng thuốc giảm đau, không cần chích thuốc. Càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm tinh thần càng tốt hơn, càng niệm tướng mạo càng đẹp hơn.

Để chúng ta thấy được cảnh giới này, chúng ta có thể không tin sao? Vì thế, “Giác tha” khác với “Độc giác” của hàng Nhị Thừa. “**Giác mãn**”, tức là giác hạnh viên mãn, khác với Bồ Tát còn đang tu “Nhân”, “Giác mãn” đồng nghĩa đã thành Phật rồi. Khác với Bồ Tát, Bồ Tát tuy rằng đã giác ngộ, nhưng chưa viên mãn; Phật thì viên mãn rồi. “**Ba giác cùng viên mãn**”, tự giác viên mãn, Giác tha viên mãn; “**Là bậc tôn quý nhất trong thánh chúng**”, A La Hán là Thánh nhân, Tiểu thánh. Bồ Tát cũng là Thánh nhân, địa vị cao hơn A La Hán. Phật là Thánh trong hàng Thánh, ba giác cùng viên mãn, là bậc tôn quý nhất trong hàng thánh, nên xưng là “Phật”.

Phật là đạo sư, tôi gọi đó là học vị trong giáo dục Phật Đà, học vị cao nhất là Phật Đà. Học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán. Giống như trường đại học hiện nay vậy, học vị cao nhất là tiến sĩ. Phật là học vị tiến sĩ, Bồ Tát là học vị thạc sĩ, A La Hán là học vị cử nhân. Tốt nghiệp đại học, lấy được bằng rồi! Phật, Bồ Tát không phải thần, không phải tiên, mà là cách xưng hô ba học vị trong nhà Phật. Chỉ cần bạn chịu học, y theo lý luận và phương pháp của Ngài, bạn đều có thể lấy được ba học vị này.

Vì vậy, trong kinh Đại Thừa thường nói: “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”, vốn dĩ thành Phật. Bởi vì, tu học Phật Pháp cùng với thế gian chúng ta không giống nhau, thế gian phải học rất nhiều thứ, phải học biết bao nhiêu là học phần. Phật Pháp không như vậy, công phu trong nhà Phật là nói đến buông xả. Trong khoảng một niệm, bạn có thể chân thật giác ngộ. Tất cả vạn pháp nơi thế gian đều là giả, bạn có thể hạ quyết tâm buông xả ngay tức thời, đồng loạt buông bỏ hết, bạn liền thành Phật. Coi như học vị này, bạn lấy được rồi. Buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, liền thành Phật. Chẳng liên quan gì đến việc học ít hay nhiều, chẳng can hệ gì đến điều này. Thứ nó nói đến là buông xả, buông xả khởi tâm động niệm, chính là buông xả vô thủy vô minh phiền não. Buông bỏ phân biệt, phân biệt là trần sa phiền não. Nhiều giống như bụi vậy, từ ví dụ này mà nói, buông bỏ chấp trước, chấp trước là kiến tư phiền não. Ba loại phiền não này làm chướng ngại tự tánh của chúng ta. Chúng ta mê rồi, mê mà không giác. Buông xả ba loại chướng ngại này thì tự tánh hiện tiền, tự tánh giác. Tự tánh giác hoàn toàn khôi phục lại rồi, đây gọi là thành Phật.

Vì vậy, đại sư Lục Tổ Huệ Năng khi khai ngộ “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đại sư Huệ Năng không biết chữ, chưa từng đi học. Thế nên Ngài đối với việc học, học cái gì? Tức là học Kinh giáo, hay mấy việc học chữ gì đó, chẳng liên can gì đến mấy thứ đó. Chúng ta biết khá rõ về giáo dục Phật Đà; giáo dục Phật Đà, Phật nói với chúng ta, chân tâm của mỗi người chúng ta. Chân tâm được gọi là tự tánh, tánh có nghĩa gì? Là không sanh không diệt. Đây gọi là tánh, vĩnh hằng bất biến. Trong tự tánh vốn dĩ có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Thứ nào cũng là vô lượng, không sót một thứ nào, chỉ cần bạn kiến tánh, trí huệ đức tướng thảy đều hiện tiền. Dùng hoài không hết, không một thứ nào là pháp ngoài tâm cả; tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm.

 Cho nên, thấy được chân tâm thì mọi thứ đều đầy đủ, sự việc chính là như vậy. Khi ba loại chướng ngại này đều mất đi, đồng nghĩa bạn lấy được học vị “Phật Đà”. Nếu như vô thủy vô minh vẫn còn, vẫn còn loại phiền não này trong ba loại phiền não. Nhưng đã buông xả được phân biệt với chấp trước, nghĩa là với hết thảy pháp không phân biệt, không chấp trước. Thật buông được rồi, chúc mừng bạn, bạn lấy được học vị thứ hai của nhà Phật. Đó là Bồ Tát, bạn thật sự là Bồ Tát rồi. Nếu bạn vẫn còn phân biệt, không có chấp trước; buông bỏ chấp trước rồi, thế thì bạn lấy được học vị thứ ba là A La Hán.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn cho chúng ta xem rồi, Ngài 19 tuổi xuất gia. Ngài là thái tử, nhưng lại bỏ hết quyền kế thừa vương vị, từ bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý nơi cung đình. Ngài xuất gia tu đạo, đi cầu học. Cái này biểu thị cho buông bỏ phiền não chướng, phiền não chướng là gì? Chính là Thất tình Ngũ dục, công danh phú quý. Ngài ra đi cầu học, học hết mười hai năm. Mọi tôn giáo Ấn Độ thời đó, tất cả học thuật Ngài đều học qua. Ngài vì chúng ta thị hiện, là một phần tử tri thức trẻ tuổi. Học nhiều nghe rộng, học hết mười hai năm, Ngài nhận thấy những thứ này đều không thể giúp Ngài kiến tánh. Học hết những học vấn này đều chẳng kiến tánh nổi. không thể khai ngộ nên Ngài từ bỏ, đến cội Bồ Đề ngồi nhập định. Trong định giác ngộ rồi, “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, Ngài lấy được học vị Phật.

Sau khi khai ngộ, đây là tự giác. Tự giác rồi lập tức đi Giác tha, đi dạy học. Mỗi ngày đều giảng kinh dạy học, 49 năm không hề ngừng nghỉ. Hơn nữa còn xem đó là nghĩa vụ, không thu học phí, nghĩa vụ dạy học. Không phân quốc gia, hiện nay nói là không phân quốc tịch, không phân dân tộc, không phân bạn là tín ngưỡng gì, đều không phân biệt. Chỉ cần bạn chịu học Ngài liền sẽ dạy cho bạn, hết sức tận tâm dạy bạn, giúp bạn trở thành Bồ Tát, thành A La Hán. Tất cả kinh điển thuyết trong 49 năm đó, chính là sách giáo khoa của Ngài, tức là những thứ mà Ngài dạy. Những thứ ấy có thứ nào là do Ngài học được không? Ngài học với ai? Ngài không có lão sư. Bất kỳ một bộ nào, chẳng kể là kinh điển bộ lớn, bộ nhỏ, đều không phải do học với người khác mà có. Hoàn toàn là trí huệ của chính Ngài lưu xuất ra, loại trí huệ này từ đâu mà có vậy? Do khai ngộ mà có.

Phật nói rồi, trí huệ là thứ mà tất cả chúng sanh không một ai là không có cả. Ngài hoàn toàn nói lời thật với chúng ta. Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng Như Lai, là bình đẳng cả. Chính bởi do bạn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nên mới không thể chứng đắc, chỉ là sự việc như vậy thôi. Ngài đem sự việc làm sao Ngài chứng được, những kinh nghiệm ấy nói với chúng ta rồi. Buông xả vạn duyên, trở về tâm thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh không có ô nhiễm, bình đẳng là không có dao động; đó chính là chân tâm, chân tâm là như như bất động.

Bạn xem đại sư Lục Tổ, lúc Ngài kiến tánh có nói: **“Tự tánh** **là thanh tịnh, tự tánh không hề dao động”**, không dao động nghĩa là bình đẳng. Báo cáo của Lục Tổ, câu thứ nhất nói về thanh tịnh; câu thứ tư nói về bình đẳng. Ngài dạy bạn phương pháp này, chỉ cần bạn thật làm, thật buông xuống, ngay lập tức trí huệ với đức năng sẽ xuất hiện. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ không chịu buông xuống. Đối với “Thất tình Ngũ dục” ở cõi đời này, chấp trước một cách kiên cố. Đối với tất cả pháp, hết thảy pháp đều là mộng huyễn bào ảnh, hết thảy pháp đều là hư giả, không có bất kỳ một pháp nào là thật.

Chúng ta lại đem tất cả những thứ hư ngụy này cho thành thật, luôn suy nghĩ thế nào vậy? Luôn muốn chiếm hữu nó, muốn khống chế, chi phối nó. Đây là ba ý niệm tạo nghiệp, tạo nghiệp gì? Là nghiệp luân hồi sáu nẻo, Lục đạo do đâu mà có? Chính là từ cái này. Phật giác ngộ rồi, minh bạch rồi. Biết rằng đó là giả, nên Ngài từ bỏ việc muốn khống chế nó, chiếm hữu nó. Tâm địa khôi phục trở lại thanh tịnh, bình đẳng. Trong tâm thanh tịnh, bình đẳng; trí huệ, đức năng của tự tánh thảy đều hiển hiện. Giáo dục của nhà Phật chính là dạy những điều này, chẳng dạy cái gì khác; đây là đại viên mãn. Hơn nữa còn là thật, không hề giả, Phật giáo thật sự là giáo dục.

Tôi học Phật, đầu tiên nhận thức được điểm này. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi:

- “*Giáo dục Phật Đà*, *giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni*; *nền giáo dục này mang đến cho chúng ta lợi ích chân thật*, *hạnh phúc mỹ mãn chân thật*”.

Trí huệ chân thật với đức năng thật sự đáng để học tập, trong số tất cả nền giáo dục khác thì nền giáo dục này thù thắng không gì bằng. Học Phật cần phải học theo Phật Thích Ca, phải thành Phật y như Ngài vậy. Không thành Phật được cũng phải thành Bồ Tát, thấp nhất cũng thành A La Hán. Không được để luân hồi sáu nẻo nữa. Sáu nẻo luân hồi bởi do ba nguyên nhân là: Chiếm hữu, khống chế và chi phối. Bạn chỉ cần có ba ý nghĩ này, bạn ra không nổi Lục đạo, vì sao? Vì ngày nào cũng làm mà. Vậy như nói hiện giờ tôi có công ăn việc làm, tôi phải dẫn dắt một đoàn thể, tôi nhất định phải quản lý nó, phải khống chế họ, phải chi phối họ. Thế thì làm sao? Bạn có tâm đi làm rồi để những chuyện này trong lòng, đồng nghĩa bạn đang tạo nghiệp luân hồi. Còn Bồ Tát thì sao? Bồ Tát làm rất tốt, nhưng không để trong tâm. Trên sự thì có chế độ, có phương pháp; trong tâm sạch sẽ, chẳng nhiễm mảy trần. Đây gọi là “Diệu dụng”. Còn phàm phu thì sao? Làm cái gì là để hết vào trong tâm có thì coi như hỏng rồi, thế thì không diệu có thì sao? Có thì luân hồi, có báo ứng. Cái này phiền phức rất lớn, không để trong tâm, đồng nghĩa không có luân hồi, không có báo ứng. Thế thì biến thành cái gì? Biến thành công đức. Để trong lòng thì là phước đức, làm được tốt thì là phước đức, phước báu Nhân Thiên; làm không tốt thì có tội, chịu khổ báo nơi Tam đồ. Bạn ngày nào cũng làm cái này.

Đức Phật dạy chúng ta đừng gây tội, dạy chúng ta tích công lũy đức. Những thứ này nên làm, nhưng mọi việc tùy duyên. Có duyên thì nên làm, không có duyên thì đừng phan duyên. Lúc làm đừng dính mắc vào tướng, tức là làm như không làm. Việc làm rồi, tâm coi như không làm, đó gọi là “Diệu”. Bản lĩnh là ở chỗ này. Lãnh đạo, người biết cách lãnh đạo sẽ làm một cách vui vẻ, nhưng họ thì chẳng việc gì, họ không có phiền não. Họ có trí huệ, chỉ đạo người khác đi làm. Học Phật rồi, nam nữ già trẻ, các nghành các nghề đều có được lợi ích, đúng là tuyệt diệu. Không một thứ nào không được viên mãn thành tựu; không những thành tựu viên mãn, mà còn là thành tựu một cách cứu cánh viên mãn. Trong Thế gian Pháp không tài nào tìm được, vĩnh viễn giữ lấy cái tâm thanh tịnh, bình đẳng. Mảy trần chẳng nhiễm gọi là thanh tịnh, chẳng chút dao động gọi là bình đẳng. Vì thế, Phật quả thật là Thánh trong hàng Thánh, người Ấn Độ gọi là “Phật Đà”.

“Trí”, lại còn dịch là “Trí Giả”, Phật cũng được dịch là “Trí Giả”, dịch là “Giác”, “Giác” là tác dụng do “Trí” khởi lên. “Trí” là thể của “Giác”, “Giác” là tác dụng của ‘trí”. Vì vậy, “Phật” được dịch là “Trí Giả”. “Trí” mang ý nghĩa của từ “Giác”; “Trí không gì chẳng biết. Nên nói: ‘**Đắc nhất thiết chủng trí’**”, loại trí huệ này là thứ vốn đầy đủ trong tự tánh. Khi loại trí huệ này xuất hiện, thì gọi là “**Đắc nhất thiết chủng trí**”. Trong “**Nhất thiết chủng trí**” có hai ý nghĩa: Một là “Nhất thiết trí”, một là “Chủng trí”. Nhất thiết trí, nghĩa là biết được tổng tướng của Pháp, tổng tướng là gì? Tổng tướng là không. “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, “**Hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh**”, cái này gọi là “Nhất thiết trí”. A La Hán chứng được, cho nên các ngài có thể buông xả. Chủng trí là nói đến hiện tướng; hiện tướng quá nhiều, vô lượng vô biên, gọi là “Chủng trí”. Vì sao lại có vô vàn hiện tướng này vậy? Vô vàn hiện tướng là sự việc như thế nào? Nếu hiểu được những điều này, thì gọi là “Chủng trí”. Vì vậy, “Nhất thiết trí” là biết được bản thể của hết thảy pháp, Chủng trí là biết hiện tướng và tác dụng của hiện tướng của tất cả pháp; vô lượng vô biên đều biết hết, không một thứ nào không biết. Đây được gọi là “Giác mãn”, mãn là viên mãn; trí huệ của họ, giác của họ đã đạt đến viên mãn.

Trong kinh, chữ “Phật” ở chỗ này: **“Chỉ cho đấng đại ân từ phụ**”. “Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật”, Thích Ca Mâu Ni Phật có quan hệ gì với chúng ta? Chỗ này nói rất rõ ràng, Phật là thầy của chúng ta. Trước từ “Lão sư” thêm vào chữ “Bổn”, ý là vị thầy chính, Phật giáo là từ Ngài mà có. Nếu Ngài không mở lớp dạy học, thế gian này sẽ không có giáo dục Phật Đà. Giáo dục Phật Đà được khởi nguồn từ Ngài, Ngài là vị thầy căn bảntrong giáo dục Phật Đà. Vì thế xưng Ngài là “Bổn sư”, bản thân chúng ta xưng là “Đệ tử”, đệ tử là học trò. Mối quan hệ giữa chúng ta và đức Phật đã được làm sáng tỏ, là mối quan hệ thầy trò, quan hệ thầy trò là sao? Là dạy học, trong đó có thầy có trò. Chúng ta cũng xưng A Di Đà Phật là bổn sư, bổn sư của tây phương Thế Giới Cực Lạc. Vô lượng vô biên chư Phật thị hiện nơi vô lượng, vô biên cõi nước thì đó là “Bổn sư” trong cõi nước đó. Không thể không sáng tỏ chuyện này được, nếu hiểu sai coi như “Sai một li đi một dặm”.

Quy y Tam Bảo, quy y Tam Bảo có ý nghĩa gì? Là bái sư, Trung Quốc chúng ta nói là “Bái sư”. Ta muốn theo thầy học, mời thầy đến dạy cho ta. Quy y chính là mang cái ý đó, “Quy” là trở về. Trước đây, trong cuộc sống, ta không có phương hướng, không có mục tiêu, lưu lạc khắp nơi. Hiện giờ, ta nhận định rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật là thầy, ta muốn theo học với Ngài. Ta đã có mục tiêu, có phương hướng, chính là cái ý này. Lão sư dạy chúng ta cái gì? Lão sư dạy chúng ta ba nguyên tắc, gọi là Tam Bảo, “Bảo” ý là trân quý vô cùng. Ngài truyền thụ cho chúng ta, dạy chúng ta học. Tam Bảo này gọi là Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo, ý là phải giữ lấy “Phật, Pháp, Tăng Bảo”.

Thế nào là Phật Bảo? Trong tự tánh đầy đủ trí huệ là Phật Bảo. Cái gì là Pháp Bảo? Trong tự tánh đầy đủ đức năng là Pháp Bảo. Cái gì là Tăng Bảo? Tự tánh đầy đủ thanh tịnh bình đẳng là Tăng Bảo. Chúng ta theo Phật để học cái gì? Chính là học ba thứ này, ba thứ này ở trong tự tánh. Khai phát Tam Bảo trong tự tánh của chúng ta, tức là trí huệ, đức năng, tướng hảo; thanh tịnh là tướng hảo, đây là ý nghĩa của Tam Bảo. Phật là tự tánh giác, trí huệ của tự tánh; pháp là tự tánh đức, tự tánh năng. Trong tự tánh vốn có đạo đức, vốn có năng lượng, hiện nay gọi là “***Năng lượng chánh***”. Tự tánh vốn có tâm thanh tịnh bình đẳng, đây là ba cương lĩnh lớn trong giáo dục Phật Đà. Vậy chúng ta học cái gì đây? Chính là học ba thứ này. Học trí huệ, học năng lượng, học tướng hảo, tướng hảo chính là hạnh phúc.

Tiên sinh Phương Đông Mỹ có nói:“***Sự hưởng thụ cao nhất của đời người***, ***chính là thanh tịnh***. ***Thanh tịnh***, ***bình đẳng là sự hưởng thụ cao nhất của đời người***”. Trong Phật môn, thờ cúng rất nhiều tôn tượng của Phật, Bồ Tát. Số tượng Phật này là giáo cụ, là công cụ dạy học; để chúng ta nhìn thấy, biết rằng chúng ta đang học cái gì. Nhìn thấy “Phật” liền nhớ đến “Tự tánh giác”; nhìn thấy “Pháp” nhớ đến “Tự tánh chánh, chánh năng lượng”; nhìn thấy “Người xuất gia” nhớ đến “Tự tánh tịnh”. Ba cái này đều là biểu pháp, để chúng ta thời thời khắc khắc thấy được, không được quên đi. Ba thứ báu vật trong tự tánh của mình, tự tánh Tam Bảo phải bắt đầu từ đâu? Từ Giới luật mà hạ thủ.

Bạn xem, sau khi tam quy y rồi, áp dụng ngay nơi “Ngũ giới Thập thiện”. “Ngũ giới Thập thiện” chưa làm được, coi như bạn chưa học Phật; bạn là giả, không phải thật. Bái sư nhưng không có theo thầy học, những gì lão sư bảo chúng ta, chúng ta hoàn toàn gác sang một bên, chẳng dùng đến điều nào. Quy y kiểu đó xem như lừa dối, dối gạt Phật, Bồ Tát, gạt chúng sanh mà gạt luôn chính mình. Tội này nặng rồi, bởi vì bạn gạt Phật, Bồ Tát, gạt chính mình. Để người ngoài nhìn vào, bạn là đệ tử Phật lại có kiểu hành trì như thế này, khiến người ta nảy sinh hoài nghi với Phật giáo, khiến họ đánh mất niềm tin vào Phật giáo. Xa lìa Phật giáo, không muốn học cái này nữa. Thứ này không phải thứ tốt, coi như bạn đoạn mất huệ mạng của người ta. Cái tội này là gì? Là Địa ngục Vô Gián.

Chúng ta ngay chỗ này, giảng giải rõ ràng, rành mạch chữ “Phật” này. Nếu như có thể y giáo phụng hành, nếu như bạn gặp được pháp môn Tịnh Độ, đời này của bạn quyết định thành Phật. Công đức thù thắng không thể nghĩ bàn! Dẫu tập khí có nặng đi nữa, dẫu mê có sâu hơn nữa; nếu như thật sự gặp được thiện tri thức, miễn họ còn hơi thở thì vẫn còn kịp. Người có duyên là người chịu tin tưởng vào bạn, đó gọi là có duyên. Công phu dẫu có tốt hơn, trí huệ đức năng có cao hơn, mà họ không chịu tin; vậy thì không còn cách nào khác. Chỉ còn cách nhất định phải để họ gặp được người mà trong tâm họ tin tưởng nhất, bội phục nhất, thì mới hữu dụng.

Lúc tôi còn trẻ cũng như vậy, cả đời khâm phục nhất chỉ có một người là tiên sinh Phương Đông Mỹ, người khác tôi đều không tin. Nếu tôi không tin bạn hoàn toàn, thì dẫu có theo bạn học cũng chẳng học được thứ gì. Dẫu cho tiên sinh phương không bằng bạn đi chăng nữa, nhưng tôi hết lòng tin thầy, những gì thầy dạy tôi có thể tiếp nhận, tôi không hoài nghi. Tôi tin tưởng, như thế mới có thể có thành tựu. Thế nào gọi là thiện tri thức? Chính là bản thân bạn tin tưởng họ hoàn toàn, người này chính là thiện tri thức của bạn. Không phải đi so sánh với bên ngoài, vấn đề ngay nơi nội tâm của học trò, không phải do bên ngoài. Ta đối với họ không có lòng tin, ắt sẽ rời bỏ họ. Bên cạnh họ thời gian càng lâu, càng lãng phí thời gian của bản thân, chẳng học được gì. Cho nên cầu học cũng có điều kiện cầu học của nó, cách cầu học đều không lìa chữ “Tín”. Lìa chữ “Tín” này thì chẳng có bất kỳ một pháp nào có thể đắc cả. Vì vậy, chữ “Phật” ở chỗ này.

Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng tôi nhờ thông qua sự giới thiệu của tiên sinh Phương Đông Mỹ mà khởi lòng tin với Phật Thích Ca. Không có thầy giới thiệu, chúng tôi sẽ không tin vào Thích Ca Mâu Ni Phật. Lợi ích mà cả đời này nhận được, tôi niệm niệm đều không quên ơn lão sư, không phải do thầy giảng giải rõ ràng minh bạch cho tôi. Làm sao tôi có thể tin được? Làm sao đời này của tôi, nhiều năm qua, bất kể ở vào hoàn cảnh nào, dù thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều có thể nâng cao cảnh giới, chứ không phải hạ xuống? Đó thảy đều nhờ lão sư mà có.

Con người không thể quên đi cội nguồn. Nhờ cha mẹ nên mới có ta, cha mẹ không dạy, thân thể của ta là do cha mẹ ban cho, không có cha mẹ thì cũng không có cái thân này của ta. Thân này còn có một nguồn gốc sâu hơn nữa, chính là dùng cái thân này để tiếp nhận giáo huấn của lão sư. Nên ân nhân có đến hai người, hai người này đều là ân nhân của ta: Một là cha mẹ, một là lão sư. Đời này của chúng ta có thể thành tựu, có thể giải thoát, có thể buông xả. Được vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, người ân nhân này không thể quên đi. “Vong ân phụ nghĩa”, dù có tu được tốt hơn đi nữa cũng không thể vãng sanh, không thể không biết.

Đoạn ở sau là “**Xứ thành tựu**”, tức là bộ kinh này được giảng ở địa điểm nào? Cái này có ghi chép tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật. Đây là “Xứ thành tựu”. Về thành Vương Xá, từ xưa cho rằng có hai thuyết: Một là Thượng Mao thành (Hoặc là Thượng Đệ thành), đây là tòa thành cũ; hai là Hàn Lâm thành, đây là thành mới. “Hai thuyết bất nhất”, có đến hai cách nói như vậy. Rốt cuộc là cái nào? Vậy phải cân nhắc rồi, theo “Trí Độ Luận”: “**Sau khi Phật Niết Bàn**, **vua A Xà Thế**, **do thấy nhân dân ít đi bèn bỏ đại thành Vương Xá**, **dựng tiểu thành ở gần đó**”, đây là chuyện có ghi chép trong kinh điển. Vua A Xà Thế, đô thành của Ngài ấy vốn dĩ là thành lớn, tức là Cựu Thành. Bởi vì nhân dân ít Ngài bèn bỏ đại thành, dựng lên một thành nhỏ, hội tụ dân chúng lại để dễ phòng thủ. Đây là một kiểu làm vào thời chiến. Những địa danh này, trong đoạn chú giải qua, chúng ta thấy có rất nhiều trong tư liệu tham khảo của chúng ta. Có sưu tập một số để tiện cho các bạn đồng học tham khảo, tôi không cần phải nói cặn kẽ thêm nữa, lỡ mất thời gian.

Sách “Bình Giải giảng”, bộ này là do tổ sư Tịnh tông Nhật Bản chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ, “**Thành Vương Xá vốn là thành cũ Thượng Đệ**, **lại dựng thành nhỏ là thành Hàn Lâm**”. Đây đã là sau khi Phật diệt độ, vua A Xà Thế mới cho xây dựng tiểu thành. Hay nói cách khác, năm đó Phật giảng kinh nhất định là tại thành cũ. Lúc đó vẫn chưa có thành mới, thành mới là thành được dựng sau khi Phật Thích Ca nhập diệt. Qua đó, chứng minh Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh này tại thành cũ. Sách Bình Giải nói rất hay: “**Sau khi Phật diệt độ**, **rồi mới có thành mới**; **đấy là thành vua A Xà Thế đắp**, **chứ Phật nào có trụ nơi thành mới!**”. Chứng tỏ Phật không thể nào ở thành sau được, “**Rõ ràng chỗ Phật từng ở là Thượng Đệ thành**. **Lời này chứng minh được rằng**: **Phật nói kinh này tại Cựu Thành**”.

Sách Từ Ân Truyện chép, chùa Từ Ân là đạo tràng của đại sư Huyền Trang, ngài Khuy Cơ là học trò của đại sư Huyền Trang, là người học trò vô cùng có thành tựu, “**Vương Xá Cựu Thành ở nước Ma Yết Đà**; **xưa kia nhiều vị quân vương sống trong ấy**. **Nơi thành ấy lại có mọc nhiều cỏ tranh thơm**, **đẹp đẽ nên gọi tên như vậy**”. Có người gọi đó là Mao thành, chính vì nơi ấy có cỏ hương mao; nơi đó mọc lênrất nhiều loại cỏ thơm rất đẹp. “**Lại nữa**, **sách Vọng Tây Sớ của Nhật viết**: **Nếu theo ý Tông Gia**, **ta nên gọi thành Vương Xá là Thượng Mao**”, chữ “Tông Gia” này ý chỉ cho Thiện Đạo đại sư. Nếu y theo lời của Thiện Đạo đại sư, thì đó là chỉ cho Thượng Mao thành. Ý của sư Vọng Tâynói là “**Thành Vương Xá nói trong kinh đó**, **chính là Cựu Thành Thượng Mao**”.Thuyết này đáng tin nên chẳng nêu các thuyết khác, còn có rất nhiều thuyết khác nữa nhưng không cần thiết phải nêu ra làm gì. Vì ở trên đã đưa ra các sách như Trí Độ Luận, Bình Giải và Từ Ân Truyện. Những thuyết này đều đáng tin, đã tin nên không cần thiết nêu những thuyết khác nữa.

Phần sau “**Pháp Hoa luận viết**: **Như thành Vương Xá vượt xa hết thảy các thành khác**; **ngụ ý pháp môn này là tối thắng**”, cái nơi mà được đề cập ở đây. Phật vì sao lại thuyết bộ kinh này ở thành Vương Xá vậy? Thuở đó khi Phật giảng kinh, thành Vương Xá là thành lớn nhất trong số mười sáu thành lớn ở Ấn Độ lúc bấy giờ. Hiện nay hay nói là đô thị lớn, thành phố lớn. Có trình độ văn hóa cao, nguồn tài nguyên phong phú, văn hóa phát triển, lại là một thành phố có nền kinh tế vô cùng phát đạt. Ở nơi như thế đương nhiên phải thuyết một bộ kinh Đại Thừa, đương nhiên phải thuyết một bộ kinh thù thắng nhất, ở nơi được cho là nổi trội nhất. Cho nên bảo là “Thời tiết nhân duyên” đều mang ý nghĩa biểu pháp trong này. Cái này thì đoạn thứ hai đã nói đến rồi.

“**Pháp Hoa luận viết**: **Như thành Vương Xá vượt xa hết thảy các thành khác**”, thành Vương Xá là thành thuộc hàng bậc nhất trong tất cả các thành lớn ở Ấn Độ thời bấy giờ. Trong chữ “Bậc nhất” này, có một điều quan trọng nhất chính là trình độ văn hóa cao. Không như hiện nay, hiện giờ lại đưa kinh tế thương mại lên hàng đầu; thời xưa thì xếp hàng đầu, nổi trội hơn đều là nói đến trình độ văn hóa. Phật ở đây giảng kinh dạy học, đây không phải là một nơi thông thường. “Xứ Ngũ Thiên Trúc”, Thiên Trúc là Ấn Độ, Ấn Độ được chia làm năm khu vực: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trung. Toàn nước Ấn Độ “***Có mười sáu thành lớn***, ***thành Vương Xá lớn nhất***”, trong mười sáu thành phố lớn này thì thành Vương Xá là thành lớn nhất.

“***Cho nên Phật trụ ở thành này nói kinh***, ***là để hiển thị sự tối thắng của kinh này***. ***Lại nữa***, ***sách đại bảo tích Kinh luận ghi***, ***hỏi***: ***vì sao pháp này chỉ nói ở thành Vương Xá mà không nói ở các thành quách khác?***”. Tại sao không ở những thành phố khác mà phải giảng ở thành Vương Xá chứ? “***Đáp***: ***Do bởi pháp môn này là trụ xứ của Pháp vương***; ***ví như thành Vương Xá là chỗ cư ngụ của vua nên gọi là Vương Xá***”, gọi là thành Vương Xá; giải thích pháp môn này là trụ xứ của Pháp vương. Đây là pháp môn bậc nhất, chứ không phải số hai. Lấy ví vụ như Hoàng cung, Vương Xá là Hoàng cung, là nơi cư ngụ của vua. Quốc vương trụ ở nơi đây nên gọi là Vương Xá. “**Pháp môn này cũng giống thế**, **là chỗ cư ngụ của Pháp vương**”.

 Hôm nay, Phật ở nơi này “**Để biểu thị nghĩa này**”, giải thích với ý nghĩa như thế, “**Nên nói là trụ thành Vương Xá**”. Trong kinh này nói là ở thành Vương Xá, tức là trú tại thành Vương Xá. Kinh này cũng là vua trong các kinh, nên cũng lấy ý nghĩa như vậy. Quả thật đây là bộ kinh bậc nhất, mà Thích Ca Như Lai dùng để độ chúng sanh thành Phật đạo khi Ngài xuất hiện tại thế gian. Cho nên nhất định phải giảng tại thành Vương Xá, nơi núi Kỳ Xà Quật. Thế mới biết Phật ở đâu, giảng bộ kinh nào, đều có dụng ý riêng. Hơn nữa, dụng ý rất sâu. Nếu người ta có hỏi, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh này ở đâu? Bảo là tại thành Vương Xá. Chỉ cần nhìn thấy ba chữ “Thành Vương Xá”, chứng tỏ kinh này không phải kinh tầm thường rồi, mà là bộ kinh thù thắng nhất. Trong tất cả kinh điển được Thế Tôn giảng suốt 49 năm, phần sau nói đến nơi nào ở thành Vương Xá, là “Núi Kỳ Xà Quật”, đây là một trong năm ngọn núi ở ngoại thành Vương Xá. Ở bên ngoài thành Vương Xá có năm ngọn núi, nó là một trong số đó.

“**Tịnh Ảnh Sớ viết**: **Núi Kỳ Xà**; **Tàu dịch là núi Linh Thứu**”, kinh Pháp Hoa cũng được giảng tại đây, gọi là “Nhất hội Linh Thứu”. Linh Thứu chính là núi Kỳ Xà Quật “**Núi này có nhiều bậc linh tiên cư trú nên gọi là linh**”, trên núi này có nhiều bậc tiên nhân cư ngụ trên đó. Chúng ta nói là thần tiên cư trú ở đây, bởi thế bảo là “linh”. “**Cũng do có chim Thứu sống trong núi này**”, nên gọi là Linh Thứu, “Thứu” là loài chim ưng, nó thuộc một giống chim lớn. Cũng do **“Đỉnh núi này hình giống đầu chim Thứu**”, đỉnh của ngọn núi này có hình dạng như đầu chim ưng “**Nên cũng gọi là Thứu Đầu Sơn**”.

**“Tây Vực Ký”** là ký sự của đại sư Huyền Trang, kể về chuyện Ngài đến Ấn Độ thỉnh kinh. Những gì nghe thấy được trong chuyến hành trình, Ngài đem nó viết thành một quyển sách, giới thiệu những gì Ngài mắt thấy tai nghe được. Ngài có đến qua thành Vương Xá, cũng có đến thăm núi Linh Thứu. Trong này có ghi chép nói rằng: “***Mặt Nam của phía Bắc núi đột nhiên cao vót lên***, ***như chim Thứu đậu***, ***cũng giống như cái đài cao***; ***sắc núi biếc in lên không trung đậm nhạt rõ nét***; ***Như Lai ngự trong đời năm mươi năm***; ***thường ở núi này thuyết nhiều diệu pháp***”. Đây là lời được viết trongnhật ký của đại sư Huyền Trang, núi này nằm ở phía Bắc thành Vương Xá. Những gì được ghi chép lại, đều tương đồng với những gì được nói trong kinh.

Phật Thích Ca ở tại thế gian này, ngự thế ý là trụ thế 49 năm, người Trung Quốc chúng ta nói là “Tuổi ta”, tuổi ta là 50 năm. Phật Thích Ca diệt độ, người Trung Quốc nói là 80 tuổi, còn người nước ngoài thì là 79 tuổi. 79 tuổi thì Ngài mất, tức là 49 năm; 80 tuổi mất thì được 50 năm. Đây là thời gian Phật giảng kinh dạy học, Phật tại thế giảng kinh dạy học 50 năm. Rất nhiều kinh được giảng tại ngọn núi này. Hơn nữa, đều là những bộ kinh lớn rất quan trọng, nổi tiếng nhất là kinh Pháp Hoa, Nhất Thừa Viên giáo, Hội Tam quy nhất. Trên ngọn núi này, Thích Ca Mâu Ni Phật đem những gì mà Ngài thuyết cả một đời làm ra tổng kết, tổng kết đó chính là kinh Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa, Phật mới nói ra, cả đời dạy học của Ngài.

 “**Chỉ có pháp nhất Thừa**, **không hai cũng không ba**; **trừ Phật phương tiện thuyết**”. Chứng tỏ những gì mà Ngài nói trước đó, đều là phương tiện mà nói thôi. Nói A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, đều là Pháp Phương Tiện cả. Sau cùng, hội Tam Thừa quy về Nhất Thừa. Vì sao phải nói Tam Thừa? Bởi vì Nhất Thừa quá sâu, không phải điều mà người bình thường có thể lý giải được.

 Vì vậy, Ngài phải dạy từ tiểu học đến trung học, rồi tới đại học, sau cùng là sở nghiên cứu, sở nghiên cứu mới thật sự dạy bạn. Giáo học của Ngài là tuân theo trình tự này; hội Pháp Hoa là hồi tiểu hướng đại. Khi hết thảy hàng Tiểu Thừa đều phát Tâm Bồ Đề, đều nhập vào hàng Ngũ Bồ Tát. Khi đó bổn hoài giáo học của Thế Tôn mới được viên mãn.

Đằng sau cử ra lời trong Trí Độ Luận, Trí Độ Luận giảng: “**Núi Kỳ Xà Quật trội hơn hết trong năm ngọn núi**”. Ngoài thành Vương Xá có năm ngọn núi, nó là ngọn núi thù thắng nhất. Ngài Long Thọ chỉ ra năm loại:

- Thứ nhất, “**Do tinh xá trong núi này gần thành nhưng khó lên được**”. Nơi Phật ở, chú trọng nhất chính là vấn đề này. Xa thành nhưng không được cách quá xa, vì nếu cách quá xa thì gây bất tiện trong việc “Khất thực”. Tuy gần thành nhưng lại khó lên, khó lên nghĩa là sao? Ý là người bình thường không muốn lên núi, người xuất gia được thanh tịnh lưu lại nơi đó. Hạng người tạp nhạp sẽ không lên núi, vì gần thành nên đi khất thực không vất vả, dễ dàng đi Bát hơn. “***Khó lên nên hạng người tạp nhạp không đến***. ***Vì vậy***, ***ngự ở núi này chẳng trụ nơi chỗ khác***”. Thế nên người xuất gia đều muốn trụ tại nơi này, nơi này yên tĩnh thanh tịnh.

- Thứ hai, “**Núi Kỳ Xà Quật này là chốn phước đức xa xưa**”, đây là nơi rất yên bình, là đất phước. Vì sao? Vì “**Là chỗ Thánh nhân thích ở**. **Phật là chúa trong chư thánh nên hay ngự ở đây**”. Cả đời Phật Thích Ca nay đây mai đó, nhưng Ngài trụ ở núi này là lâu nhất. Đây là vùng đất phước, “Đất phước, người phước ở”, Thích Ca Mâu Ni Phật là người có phước báu lớn nhất.

- Thứ ba, “**Núi Kỳ Xà là trụ xứ của Tam thế chư Phật**”. Vào kiếp xa xưa trước kia, chư Phật Như Lai đều ở nơi này độ hóa chúng sanh, đều từng trụ qua núi này. Nơi này là đạo tràng giáo hóa của cổ Phật khi các ngài trụ thế, đây là từ lịch sử mà nói.

- Thứ tư, “**Trong núi này thanh tịnh**, **là nơi có phước đức**, **vắng vẻ**, **thanh tịnh**”. Chỗ này chúng ta thấy chữ “Phước đức”, thế nào gọi là phước đức? Nhàn tịnh là phước đức. Người trú tại nơi này tu tâm dưỡng tánh, xa lìa phiền não, thân tâm tự tại, phước thọ kéo dài. Chân thật là “**Bảo địa phước đức**”.

 Vì vậy nơi này là: “***Hành xứ của hết thảy chư Phật***, ***là nơi được Thập phương Bồ Tát cung kính***, ***khen ngợi***; ***tám bộ đại lực chúng thần thủ hộ cung kính***, ***cúng dường***; ***các kinh Đại Thừa phần nhiều được nói tại núi này***”. Nếu không phải vùng đất đại phước đức, làm sao có thể cảm động. Phật đến nơi đó trường trụ, vì chúng Bồ Tát thuyết Đại pháp thành Phật được chứ? Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều gọi là Nhất Thừa. Nhất Thừa tức là phương pháp và lý luận thành Phật, đều giảng hết trong đó.

- Trong Pháp Hoa luận cũng nói: “**Núi Kỳ Xà Quật trỗi hơn các núi khác**”, những ngọn núi khác đều không thể sánh bằng núi này. “**Phật thường ngự ở đây thuyết Pháp nhằm hiển thị pháp này là tối thắng**, **vì lẽ đó**, **kinh này được nói tại núi này**”, nơi giảng kinh. Nếu nơi đó không phải nơi phước địa thù thắng nhất, Phật ở nơi đó sẽ không thuyết bộ kinh thuộc hàng thù thắng bậc nhất. Phật thuyết hết thảy kinh, phải chọn địa điểm. Thuyết vào lúc nào, ở đâu, thuyết cho hạng người nào, đều là nói đến pháp duyên. Duyên không đầy đủ Phật sẽ không nói. Nhất định phải là chúng duyên hội đủ, pháp hội mới có thể thành tựu, địa điểm rất quan trọng.

Thuở đó, nơi giáo hóa của Thế Tônlà năm khu vực ở Ấn Độ. Lúc đó không có phương tiện giao thông, phương tiện giao thông chỉ là xe, thuyền bè. Du hành thường là đi bộ, hoặc cưỡi ngựa, vì vào thời đó phương tiện giao thông chưa được thuận tiện như hiện nay. Vào triều Đường, từ Trung Quốc đến Ấn Độ, đường biển thì dựa vào thuyền, nhờ sức gió. Nhất định phải gặp mùa gió, nếu hướng gió không đúng sẽ không thể đi được, nhất định phải thuận gió. Trên đất liền thì nhờ vào xe ngựa, Phật Thích Ca chưa bao giờ đi xe ngựa, sau khi xuất gia hoàn toàn là đi bộ. Đời sống của người xuất gia đơn giản, “Ba y một Bát”. Ngoài những thứ này ra, cái gì cũng không có.

Thế Tôn tại thế, cả đời giảng kinh dạy học không có sách vở gì, cũng không có bút ký giảng kinh. Vì thế kinh tạng có được từ đâu? Chính là sau khi Phật diệt độ, tôn giả A Nan cùng 500 vị đại A La Hán. Các ngài phát tâm kết tập lại, đem những gì mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã thuyết, mời A Nan. Do A Nan có sức ghi nhớ rất tốt, mời Ngài phục giảng lại một lần, 500 vị A La Hán sẽ tác chứng. Như thế dùng văn tự rồi viết lại, lưu truyền cho hậu thế. Cho nên, sau khi Phật nhập diệt, kinh điển mới xuất hiện. Khi đức Phật tại thế, những chuyến du hành của Ngài rất ung dung, không mang hành lý, chỉ có “Ba y một Bát”, hết sức nhẹ nhàng thoải mái. Buổi tối ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa ngọ.

Người xuất gia vì người thế gian mà biểu pháp, biểu pháp gì? Chính là vạn duyên buông xả, với người vô tranh, với đời vô cầu, được đại tự tại. Người đời sống rất vất vả, vì sao? Vì truy cầu quá nhiều thứ, cái gì cũng muốn giành về, cái gì cũng muốn đạt được, tâm mong cầu quá nặng, nên trải qua đời sống rất khổ. Cầu mà không được ắt phải khổ, bởi vì cầu thì không tránh được chuyện phải đi tranh, cạnh tranh nâng lên là đấu tranh, đấu tranh nâng lên là chiến tranh. Phật hy vọng thế giới hòa bình, Phật mong mỏi nhân dân an vui, mong thế giới này vĩnh viễn không bao giờ có chiến tranh. Người xuất gia chính là biểu diễn điều này, cho đại chúng trong xã hội, là biểu pháp.

Khi tộc Thích Ca bị vua Tỳ Lưu Ly tiêu diệt, Phật Thích Ca bèn khuyên mọi người đi lánh nạn, nên một số người đã lánh đi nơi khác. Tại sao Phật không cứu họ? Bởi Phật biết nhân-quả, biết vì sao xảy ra cuộc chiến này, vì sao có kiếp nạn này. Bởi vì trong kiếp quá khứ, tộc Thích Ca là một nhóm ngư dân, chuyên đánh bắt cá. Đời trước của vua Tỳ Lưu Ly, chính là cá trong cái ao đó. Cá cũng có đầu đàn, họ đánh bắt cá, tát hết nước trong ao, đem hết số cá bắt gọn một mẻ. Người ta oán hận trong lòng, “Anh diệt hết tộc nhà tôi”. Hiện tại đến đời này, người ta đến thế gian rồi, lại gặp nhau, “Họ cũng diệt hết tộc nhà anh”. Sự việc này Phật cũng hết cách hóa giải, Phật chỉ có thể khuyên người trong tộc đi lánh nạn. Di chuyển đến vùng núi Hy Mã Lạp Sơn, tức là Tây Tạng. Cho nên, hậu duệ của tộc Thích Ca lúc đó lánh đến phía sau vùng Tây Tạng, sau đó không bao giờ trở về nữa. Từ đó dừng chân ở vùng Hậu Tạng, rồi trở thành người Tây Tạng. Đây là chuyện mà Chương Gia đại sư kể cho tôi, cho nên, toàn bộ Phật giáo đều truyền đến Trung Quốc, ngay cả năm đó tộc Thích Ca đi lánh nạn, lánh đến Tây Tạng không có trở về.

Chứng tỏ con người sống ở đời, đừng bao giờ kết oán thù với hết thảy chúng sanh. Đây không phải nói chỉ là kết oán thù với người, mà ngay cả cá. Nếu ăn nó, cũng sẽ chuốc lấy thảm họa lớn như vậy. Đến Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đành bó tay hết cách, nhân-quả đáng sợ biết bao. Chúng ta đắc tội với người ta, kết oán với người ta hữu ý hay vô ý, rất dễ dàng. Kết oán thù xuống rồi, người đó nuôi hận trong lòng, niệm niệm không quên; sau này phiền phức rất lớn. Những sự thật này đều nhan nhản ngay trước mắt, chỉ cần bạn để ý một chút là có thể thấy được. Người chân thật học Phật sẽ không dám, người chân thật học Phật thà chịu uất ức, tu nhẫn nhục Ba la mật, tuyệt không dám oán hận lấy một người. Oán hận một người, sẽ chiêu cảm lấy phiền phức triền miên. Đừng cho rằng bản thân thông minh, thật sự là ngu si đến cực độ mới kết oán thù với người ta. Người chân thật có trí huệ, quyết định không dám làm chuyện đó.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật**.

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

